TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST .
Ngày: 07- 9- 2020
V/v: " Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung và chia tài sản chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Bà Dư Mỹ L

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa: Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc: " *tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1991 (có mặt)
Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K.
Bị đơn: anh Phạm Chí L, sinh năm: 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh Phạm Chí L tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng kể từ khi chị sinh con thì mâu thuẫn dần phát sinh, chị và anh L thường xuyên cải nhau. Bản thân anh L sống thiếu trách nhiệm với vợ con, một người chồng nhu nhược, không tự quyết định mọi việc, sống phụ thuộc vào gia đình bên chồng. Chị đã nhiều lần lựa lời khuyên nhủ nhưng anh L vẫn không thay đổi. Do không chịu đựng được cách sống trên của anh L nên kể từ ngày 19/5/2019, chị đã ẵm con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và chấm dứt quan hệ vợ

chồng với anh L cho đến nay. Quá trình chung sống giữa chị và anh L có một con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2019. Hiện nay, con do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con, buộc anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nhưng nếu anh L có ý kiến không đồng ý cấp dưỡng, chị xin rút lại yêu cầu này. Về tài sản chung, khi còn chung sống vợ chồng có số tài sản là 10 chỉ vàng 24k (9999), đây là số vàng được gia đình bên chồng tặng cho trong ngày cưới. Số vàng trên hiện do anh L quản giữ, chị yêu cầu chia đôi số vàng trên. Về nợ chung không có.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 5 năm 2020, bị đơn anh Phạm Chí L trình bày: chị T xác định về hôn nhân, con chung, nợ chung không có là đúng. Anh đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, bởi vì bản thân anh là người không có trách nhiệm với vợ con, không có công việc làm ổn định nhưng anh yêu cầu mỗi tháng cho anh rước con về nhà chơi ba lần. Còn nếu chị T nuôi không được thì giao con lại cho anh nuôi. Về tài sản chung, anh thừa nhận có 10 chỉ vàng 24k (9999), chị T cho rằng anh giữ là không đúng, bởi vì khi vợ chồng còn chung sống hai vợ chồng thống nhất cho cha mẹ ruột của anh mượn số vàng trên nhưng vào thời gian nào anh không rõ. Đến tháng 4 năm 2019, do anh bị bệnh nhưng chị T bỏ mặc, không chăm sóc. Vì vậy, anh đã lấy lại số vàng trên và dùng làm chi phí cho việc chữa bệnh nên số vàng trên hiện tại không còn, vì vậy anh không đồng ý chia.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát :

-Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh L kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn, anh L cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 - Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Cháu Phạm Gia Hưng, sinh ngày 07/3/2019, hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được quyền nuôi con và rút lại yêu cầu của về việc buộc anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi. Xét thấy, cháu Phạm Gia H dưới 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc giao cho mẹ nuôi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2,3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Phạm Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị T rút lại yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Anh L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản chung: chị T, anh L cùng thống nhất khi còn sống chung có 10 chỉ vàng 24k (9999) được cha mẹ anh L chồng tặng cho trong ngày cưới. Chị T yêu cầu

anh L chia hai số vàng trên sử dụng. Nhưng tại phiên Tòa, chị T rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện này nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Về án phí: đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện xin ly hôn, được quyền nuôi con chung và chia tài sản chung của vợ chồng với anh Phạm Chí L nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Phạm Chí L có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã Hg, huyện G nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

Anh Phạm Chí L với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên Tòa nhưng anh L vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh L

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Phạm Chí L tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2017. Anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được anh chị xác định mà không thể nào hàn gắn nhằm xây dựng mục đích hôn nhân lâu dài bền vững. Bản thân anh L có ý kiến đồng ý ly hôn với chị T. Hiện tại anh chị cũng không còn chung sống vợ chồng với nhau từ tháng 5 năm 2019. Điều này chứng minh rằng anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đây là căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn của anh L.

[2.2] Về con chung, chị T và anh L cùng xác định anh chị có với nhau một con chung tên: Phạm Gia Hưng, sinh ngày 07/3/2019. Hiện nay, con đang sống với chị T, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh L có ý kiến thể hiện tại bản khai đồng ý giao con cho chị T nuôi nhưng không đồng ý cấp dưỡng và có yêu cầu được rước con về chơi trong tuần ba lần. Xét thấy cháu Gia H hiện dưới 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc con giao cho mẹ nuôi, mặc khác anh L cũng đồng ý giao con cho chị T

nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2,3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Phạm Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu của anh L về việc được rước cháu H về nhà chơi 03 lần trong tuần, yêu cầu này của anh chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Do đó, anh L chỉ có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai được quyền cản trở.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn của chị T. Tại phiên Tòa, chị T xin rút lại các yêu cầu này, chị xác định không yêu cầu anh L cấp dưỡng và giao lại cho chị ½ trong tổng số 10 chỉ vàng 24k (9999) mà anh L đang giữ. Xét thấy việc rút lại các yêu cầu trên của chị là hoàn toàn tự nguyện, bản thân chị T cũng có nghề nghiệp ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dạy cháu Hưng phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn của chị T. Trường hợp sau này có tranh chấp, chị T sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác

Về nợ chung, chị T và anh L cùng xác định nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a - khoản 5 – Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 853.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003114 ngày 17/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Hoàn trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp 553.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2,3 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn anh Phạm Chí L.

2.Về con chung: Xử giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 07/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Chí L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 853.000 đồng (tám trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003114 ngày 17/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Hoàn

trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 553.000 đồng (năm trăm năm mươi ba nghìn đồng)

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, đương sự có mặt được tính kể từ tuyên án (ngày 07/9/2020); đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã H;
- Các đ- ơng sự;
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ